

KẾ HOẠCH
Về phát triển kinh tế - xã hội xã Hòn Đất
giai đoạn 2026-2030

Căn cứ Nghị quyết số 02-NQ/ĐU ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ xã Hòn Đất lần thứ I nhiệm kỳ 2025-2030; Chương trình hành động số 01-CTr/ĐU ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Đảng ủy xã Hòn Đất về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Hòn Đất khóa I, Kỳ họp thứ 5 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội xã Hòn Đất 5 năm 2026-2030.

Ủy ban nhân dân xã xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội xã Hòn Đất, giai đoạn 2026-2030, như sau:

Phần I
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI,
GIAI ĐOẠN 2020-2025

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Phát triển kinh tế, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường

1.1. Về phát triển kinh tế

Lĩnh vực nông nghiệp vẫn giữ vai trò quyết định cho phát triển kinh tế của xã. Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo xây dựng và thực hiện hiệu quả các quy hoạch, kế hoạch, nghị quyết trong lĩnh vực sản xuất nông, lâm và thủy sản; đẩy mạnh ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật, đưa cây trồng, giống mới có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất; xây dựng cánh đồng lớn và phát triển vùng lúa chất lượng cao, sản xuất 02 vụ lúa gắn với sản xuất kết hợp tôm-lúa¹, liên kết sản xuất và ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với diện tích 8.000 ha/năm. Quan tâm xây dựng thương hiệu sản phẩm, có 03 sản phẩm được công nhận đạt chuẩn “OCOP” 3 sao. Tổng sản lượng lúa ước đạt 1.332.032 tấn. Tập trung chỉ đạo phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng an toàn sinh học, từng bước chủ động nguồn giống, thức ăn an toàn dịch bệnh để cải thiện thu nhập cho cơ sở chăn nuôi và hộ gia đình; nuôi chim yến tiếp tục duy trì mang lại hiệu quả kinh tế, đạt 10 kg/nhà/năm. Toàn xã có 04 hợp tác xã nông nghiệp và 24 tổ hợp tác hoạt động ổn định. Chỉ đạo thực hiện quyết liệt công tác phòng, chống khai thác thủy sản bất hợp pháp,

¹ 50ha tại xã Linh Huỳnh

không báo cáo, không theo quy định². Tổng sản lượng khai thác ước đạt 112.445 tấn; sản lượng nuôi trồng thủy sản ước đạt 17.101 tấn.

Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng tiếp tục phát triển khá, quy mô sản xuất từng bước được mở rộng, đổi mới công nghệ, chất lượng sản phẩm ngày càng nâng lên. Các cơ sở tiểu thủ công nghiệp, cơ sở kinh doanh thương mại dịch vụ vừa và nhỏ hoạt động ổn định, có hiệu quả. Tiếp tục duy trì khai thác đá sản xuất vật liệu xây dựng và một số ngành, nghề như: hàn tiện, cơ khí... Thu hút đầu tư 01 cơ sở sản xuất các loại bàn ghế từ đá Granit; quan tâm xây dựng sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, đến nay, xã có 05 sản phẩm được công nhận³.

Lĩnh vực thương mại - dịch vụ tiếp tục phát triển với quy mô ngày càng mở rộng, hàng hóa đa dạng, phong phú; phương thức cung ứng linh hoạt, bảo đảm lưu thông hàng hóa thông suốt, góp phần nâng cao doanh số bán hàng và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương. Chất lượng hoạt động các chợ trên địa bàn xã được quan tâm củng cố, nâng cao hiệu quả phục vụ người dân; công trình nâng cấp, cải tạo, chỉnh trang Trung tâm thương mại Hòn Đất được hoàn thành, góp phần nâng cao diện mạo “đô thị” và năng lực phục vụ thương mại - dịch vụ. Hoạt động du lịch có bước khởi sắc, gắn với tổ chức tốt các lễ hội truyền thống; trong đó nổi bật là việc nâng quy mô Lễ kỷ niệm ngày hy sinh của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Phan Thị Ràng lên cấp tỉnh, hằng năm, thu hút trên 90.000 lượt khách đến tham quan Khu Di tích lịch sử thắng cảnh Quốc gia Ba Hòn.

Tập trung huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội, đầu tư hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện, nước sạch... phục vụ phát triển sản xuất, kinh doanh, cải thiện đời sống người dân. Xây mới và nâng cấp, mở rộng 66,145km đường giao thông nông thôn. Tiến hành nạo vét các tuyến kênh nội đồng, cơ bản đáp ứng yêu cầu tưới tiêu cho 100% diện tích lúa, phát huy tốt hiệu quả sử dụng các công trình cống đập, trạm bơm điện đã được đầu tư, góp phần phục vụ sản xuất nông nghiệp ổn định và bền vững. Đến nay, tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 99,99%, tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 97%.

Thu ngân sách và các nguồn vận động hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu. Chi ngân sách theo kế hoạch, cơ bản đảm bảo được các nhu cầu thiết yếu để thực hiện nhiệm vụ; trong thu - chi tài chính công khai, minh bạch, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Các tổ chức tín dụng trên địa bàn triển khai thực hiện kịp thời các chủ trương, chính sách tiền tệ, bảo đảm nguồn vốn phục vụ sản xuất - kinh doanh, đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.

1.2. Phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Việc ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất và đời sống được đẩy mạnh mang lại hiệu quả thiết thực; tỷ lệ cơ giới hóa, ứng dụng giải pháp kỹ thuật vào sản xuất, chế biến, bảo quản ngày càng cao, góp phần tăng năng suất, chất lượng sản phẩm.

² Tổ chức tuyên truyền 22 cuộc với 144 lượt người; tháo dỡ 25 chòi và nhỏ 40 cọc dừa.

³ (1) Bộ bàn tròn đá Hòn Sóc; (2) Bộ bàn vuông đá Đen Tầm (đá Hòn Tre); (3) Đặc sản Hòn Đất Khô qua Tầu; (4) Đặc sản chà Trầu Hòn Đất; (5) Yến tinh chế

Thực hiện chuyển đổi số đạt kết quả bước đầu, 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan (trừ văn bản mật), 100% hồ sơ công việc cấp xã đều thực hiện trên nền tảng số; Nhân dân ứng dụng chuyển đổi số khá rộng rãi trong đời sống. Tích cực triển khai Đề án 06 về “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến 2030”. Triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, thực hiện đạt 16/16 tiêu chí.

1.3. Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu được chú trọng nhiều hơn

Việc quản lý tài nguyên, đặc biệt là các nguồn tài nguyên khoáng sản trên địa bàn xã được tăng cường, gắn với công tác bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Hoạt động khai thác, cung cấp đá phục vụ các công trình giao thông trọng điểm của tỉnh được thực hiện theo đúng quy định, góp phần thúc đẩy phát triển hạ tầng và kinh tế địa phương. Công tác bảo vệ và phát triển rừng được chú trọng, tập trung nâng cao chất lượng rừng, duy trì ổn định độ che phủ rừng, đặc biệt là rừng đầu nguồn, góp phần bảo vệ hệ sinh thái và giảm thiểu tác động của thiên tai.

Chủ động triển khai đồng bộ các biện pháp phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, hạn chế tác động của xâm nhập mặn, bảo vệ sản xuất và đời sống nhân dân. Việc xử lý rác thải sinh hoạt tại các khu vực chợ, khu dân cư cơ bản đáp ứng yêu cầu vệ sinh môi trường. Công tác thu gom, xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được quan tâm; tại các hợp tác xã đã được trang bị bồn chứa và bố trí đúng nơi quy định, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong sản xuất nông nghiệp.

2. Phát triển văn hóa, xã hội, con người

Quan tâm phát triển văn hóa và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Đẩy mạnh vận động kinh phí xã hội hóa, hoàn thành việc cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang và xây dựng Đền tưởng niệm Anh hùng liệt sỹ tại Khu di tích lịch sử - thắng cảnh Quốc gia Ba Hòn nhằm thực hiện chính sách đền ơn đáp nghĩa, giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ và phát triển du lịch. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và công tác gia đình có những chuyển biến tích cực; đến nay, có 90% hộ gia đình, 100% cơ quan, đơn vị được công nhận đạt chuẩn văn hóa. Phong trào thể dục, thể thao quần chúng ngày càng phát triển, số người tham gia rèn luyện sức khỏe thường xuyên chiếm 75% dân số. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa được tăng cường; dịch vụ bưu chính viễn thông và Internet tiếp tục phát triển, chất lượng dịch vụ được nâng lên. Hoạt động thông tin, truyền thanh từ xã đến ấp bảo đảm phục vụ tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tỷ lệ hộ có phương tiện nghe nhìn đạt 100%.

Công tác giáo dục và đào tạo được quan tâm. Quy mô trường lớp tiếp tục được đầu tư nâng cấp đồng bộ, trang thiết bị dạy và học được tăng cường, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu dạy và học. Đội ngũ giáo viên các cấp học được chuẩn hóa theo quy định, chất lượng dạy và học tiếp tục được nâng cao. Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đến trường đạt 99,55%; trong đó trẻ 5 tuổi vào mẫu

giáo đạt 99,73%. Công tác phổ cập giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi được duy trì và nâng lên chất lượng⁴. Công tác xã hội hóa giáo dục, phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được phát huy và có nhiều chuyển biến tích cực, đã vận động xã hội hóa với tổng kinh phí 5,883 tỷ đồng để chăm lo cho công tác giáo dục.

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm, cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế được tăng cường; 25/25 ấp có cộng tác viên dân số. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ, chăm sóc bà mẹ, trẻ em và bình đẳng giới có nhiều tiến bộ, triển khai có hiệu quả các chương trình y tế quốc gia, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đạt 7,5‰, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng về cân nặng giảm còn 7,3%. Thực hiện tốt việc quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, kịp thời chấn chỉnh, nhắc nhở và xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia bảo hiểm y tế, tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 87,3%; duy trì xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế.

Các chính sách an sinh xã hội được bảo đảm, quan tâm chăm lo cho gia đình chính sách, người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội. Huy động nguồn vốn xây dựng nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết, nhà tình thương, nhà ở cho hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số⁵. Triển khai nhiều mô hình giảm nghèo bền vững⁶; tăng cường liên kết đào tạo nghề cho lao động nông thôn, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 73,2%, trong đó, lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 42%. Giới thiệu, giải quyết việc làm cho 2.310 lượt lao động. Đời sống Nhân dân tiếp tục được cải thiện, đến năm 2025 tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều giảm còn 1,19%.

3. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh được Ủy ban nhân dân xã cụ thể hoá và triển khai thực hiện có hiệu quả. Công tác tuyên truyền, giáo dục kiến thức quốc phòng, an ninh cho cán bộ, công chức và Nhân dân được quan tâm; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp; lực lượng dự bị động viên đúng cơ cấu thành phần, trình độ quân sự, chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới⁷. Công tác diễn tập đảm bảo yêu cầu, mục đích đề ra; tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hằng năm đạt 100%⁸ kế hoạch.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiếp tục giữ vững và ổn định. Lực lượng đảm bảo an ninh trật tự tiếp tục được củng cố, kiện toàn, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, đến nay, đảm bảo 100% công an chính

⁴ Duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục Mầm non trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3; đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

⁵ Xây dựng 194 căn nhà đại đoàn kết, xây mới và sửa chữa 20 căn nhà theo Nghị quyết 32/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về xây nhà tình nghĩa đối với người có công.

⁶ Triển khai 12 mô hình đa dạng hóa sinh kế, mô hình giảm nghèo cho 85 đối tượng thụ hưởng, với tổng kinh phí trên 2,2 tỷ đồng.

⁷ Lực lượng thường trực đạt 88,6; lực lượng dự bị động viên được sắp xếp vào đơn vị đạt 100; lực lượng dân quân tự vệ đạt 1,13% so với tổng dân số.

⁸ Trong nhiệm kỳ, tổ chức thành công 04 cuộc diễn tập chiến đấu cấp xã trong khu vực phòng thủ, được xếp loại khá trở lên.

quy ở xã, thành lập 25 tổ Bảo vệ an ninh trật tự với 115 thành viên. Phong trào quần chúng tham gia bảo vệ an ninh tổ quốc được đẩy mạnh; nhiều mô hình phòng, chống tội phạm được duy trì và phát huy hiệu quả. Hoạt động đối ngoại, liên kết vùng tiếp tục đẩy mạnh, thiết thực và hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của xã.

4. Kết quả thực hiện các khâu đột phá nhiệm kỳ 2020-2025

Trong nhiệm kỳ triển khai thực hiện 08 khâu đột phá cơ bản đạt được một số kết quả như: kịp thời triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách hỗ trợ phát triển các mô hình kinh tế tập thể, các mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo từng bước ổn định, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động; huy động nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp; hệ thống giao thông, thủy lợi, điện... cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất, lưu thông của người dân; tập trung rà soát, điều chỉnh quy hoạch, bố trí các vùng sản xuất phù hợp; đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng khoa học, công nghệ, liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm; khai thác, nuôi trồng thủy hải sản theo hướng ổn định, bền vững, gắn với bảo vệ môi trường biển và rừng phòng hộ ven biển; đẩy mạnh phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá (bán ngư lưới cụ, sản xuất nước đá, thu mua hải sản); triển khai lắp đặt các công trình thấp sáng đường quê tạo cảnh quan môi trường.

II. HẠN CHẾ, TỒN TẠI TRONG NHIỆM KỲ 2020-2025

1. Phát triển kinh tế, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, chưa phát huy hiệu quả tiềm năng lợi thế về nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, thương mại, dịch vụ và du lịch. Một số mô hình sản xuất ứng dụng khoa học - công nghệ còn ít, chủ yếu quy mô nhỏ lẻ, tự phát, thiếu liên kết. Hợp tác xã, tổ hợp tác còn yếu về năng lực quản trị, liên kết tiêu thụ sản phẩm chưa hiệu quả, thiếu bền vững.

Ý thức bảo vệ môi trường trong một bộ phận người dân và cơ sở sản xuất chưa cao; rác thải sinh hoạt chưa được thu gom, xử lý triệt để, nhất là ở các chợ. Công tác quản lý tài nguyên, đặc biệt là khai thác đất vi phạm pháp luật chưa chặt vẫn dễ xảy ra sai phạm. Ứng phó với biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn còn mang tính bị động; công tác dự báo, cảnh báo sớm chưa đáp ứng thực tiễn.

2. Phát triển văn hóa, xã hội, con người

Chất lượng giáo dục chưa đồng đều giữa các cấp học; tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ còn thấp; việc đào tạo nghề gắn với nhu cầu thị trường lao động còn hạn chế; một số thiết chế văn hóa cơ sở chưa được đầu tư đồng bộ, hoạt động phong trào ở cơ sở chưa sôi nổi và thường xuyên.

3. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Công tác nắm tình hình, quản lý địa bàn, đối tượng từng lúc chưa chặt chẽ. Tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông tuy được kiểm chế giảm nhưng còn xảy ra; các loại tội phạm từng lúc, từng nơi còn diễn biến phức tạp. Phong trào toàn dân tham gia ngăn ngừa, phòng chống tội phạm chưa được phát huy đúng mức. Lực lượng an ninh trật tự cơ sở, dân quân tự vệ một số nơi hoạt động còn hạn chế.

4. Về thực hiện các khâu đột phá

Kết quả thực hiện các khâu đột phá chưa đạt được mục tiêu, yêu cầu đề ra, hiệu quả thực hiện trong từng khâu còn hạn chế nên chưa tạo được nhiều bứt phá cho sự phát triển của xã. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội nói chung, nông nghiệp nói riêng chưa đồng bộ, nguồn vốn không đáp ứng yêu cầu; việc liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm còn ít; tái cơ cấu ngành nông nghiệp còn chậm. Đầu tư cho du lịch chưa tương xứng với tiềm năng lợi thế; cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ phụ trợ, nguồn nhân lực phục vụ du lịch còn hạn chế; kinh tế biển, ven biển, kinh tế dưới tán rừng chưa khai thác, đầu tư phát triển đúng tiềm năng, lợi thế của các xã ven biển; công tác quản lý đất đai còn hạn chế; dịch vụ - du lịch hình thành chưa rõ nét, chưa tạo được sản phẩm du lịch đặc thù; công tác tuyên truyền, triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể từng lúc, từng nơi chưa kịp thời một bộ phận nhân dân nhận thức chưa đầy đủ, chưa tích cực tham gia các tổ hợp tác, hợp tác xã, từ đó chất lượng, hiệu quả sản xuất của tổ hợp tác, hợp tác xã nâng lên chưa nhiều.

5. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém

5.1. Nguyên nhân khách quan

Dịch bệnh Covid-19 kéo dài và diễn biến phức tạp trong gần nửa nhiệm kỳ đã ảnh hưởng nặng nề đến mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội; làm gián đoạn các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp, dịch vụ và công nghiệp địa phương. Biến đổi khí hậu, thiên tai, xâm nhập mặn và các hiện tượng thời tiết cực đoan diễn ra ngày càng gay gắt, gây tác động tiêu cực đến sản xuất, đời sống và kết cấu hạ tầng nông thôn. Giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, thiếu ổn định, nhất là vật tư nông nghiệp, vật liệu xây dựng... làm tăng chi phí đầu tư, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng các công trình, dự án. Một số cơ chế, chính sách và quy định pháp luật còn bất cập, chồng chéo, thiếu tính thực tiễn, nhất là trong lĩnh vực đất đai, đầu tư công, xây dựng, gây khó khăn trong triển khai thực hiện tại cơ sở.

5.2. Nguyên nhân chủ quan

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cơ quan, đơn vị chưa thật sự quyết liệt, thiếu chiều sâu, chưa phát huy hết vai trò nêu gương và tính chủ động, sáng tạo trong tổ chức thực hiện. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chưa đồng đều; một số ít cán bộ, công chức còn thiếu tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân chưa bảo đảm; một bộ phận cán bộ còn thiếu quyết tâm, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Khả năng đánh giá, dự báo tình hình của một bộ phận cán bộ lãnh đạo còn hạn chế, chưa theo kịp diễn biến nhanh chóng của thực tiễn, dẫn đến bị động trong ứng phó, nhất là trong xử lý các vấn đề đột xuất, bất thường. Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch còn bất cập, tình trạng chồng lấn giữa các loại quy hoạch, chưa đồng bộ giữa quy hoạch sử dụng đất với quy hoạch hạ tầng, ảnh hưởng đến thu hút đầu tư và định hướng phát triển lâu dài của địa phương.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Giai đoạn 2020-2025 trong bối cảnh có những thuận lợi và nhiều khó khăn, thách thức đan xen, nhưng chính quyền xã Hòn Đất đã có nhiều biện pháp tích cực, hiệu quả và thực hiện thắng lợi các mục tiêu. Công tác xây dựng chính quyền địa phương đạt nhiều kết quả khá toàn diện. Việc cụ thể hóa, sơ kết, tổng kết các chương trình, kế hoạch của Trung ương, của tỉnh có chuyển biến tích cực hơn. Kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy hoạt động hiệu quả. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, việc chức được nâng lên; phát triển đảng viên đảm bảo cả về số lượng và chất lượng. Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, theo quy định của pháp luật, qua đó kịp thời chấn chỉnh, ngăn chặn, xử lý nghiêm các trường hợp sai phạm; kỷ luật, kỷ cương hành chính được giữ vững. Công tác vận động quần chúng, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc được tăng cường. Kinh tế tiếp tục phát triển ổn định; xây dựng nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao đạt kế hoạch đề ra. Đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo ngày càng giảm; lĩnh vực giáo dục, văn hóa, y tế, phòng chống dịch, giải quyết việc làm, chăm lo gia đình chính sách được thực hiện tốt hơn. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo. Quốc phòng, an ninh được tăng cường, trật tự an toàn toàn xã hội được giữ vững ổn định.

Ngoài các kết quả tích cực nêu trên, vẫn còn một số mặt hạn chế nhất định cần được khắc phục trong nhiệm kỳ tới: Hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành còn có mặt còn hạn chế. Việc cụ thể hóa và sơ kết, tổng kết một số chương trình, kế hoạch của cấp trên và xã còn chậm. Công tác nắm tình hình, tư tưởng và định hướng dư luận xã hội từng lúc chưa kịp thời. Kinh tế phát triển chưa bền vững và tương xứng với tiềm năng, lợi thế của địa phương nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, kinh tế biển...; phát triển lĩnh vực công nghiệp còn chậm. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn khó khăn, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Lĩnh vực văn hóa - xã hội còn nhiều vấn đề cần được khắc phục, chấn chỉnh. Xây dựng đời sống văn hóa chưa thực sự đi vào chiều sâu. Đời sống của một bộ phận nhân dân còn khó khăn. An ninh, trật tự từng lúc, từng nơi vẫn còn phức tạp; thực hiện các khâu đột phá chuyển biến chưa nhiều.

PHẦN II

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI XÃ HÒN ĐẤT GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Trước những khó khăn, thách thức về tình hình biến đổi khí hậu, diễn biến thời tiết bất thường và ngày càng phức tạp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ, rủi ro do thiên tai và dịch bệnh, tình hình giá cả, thị trường còn nhiều biến động,... Từ đó đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất và đời sống của người dân. Qua đó, tình hình kinh tế xã hội 5 năm qua tiếp tục tăng trưởng và ổn định; tình hình sản xuất có nhiều chuyển biến tích cực, công tác phòng chống dịch bệnh, kiểm dịch động vật được tăng cường, công tác vệ sinh an toàn thực phẩm được quan tâm

giám sát thường xuyên; chính sách an sinh xã hội được đảm bảo; trang thiết bị, cơ sở vật chất tiếp tục được đầu tư, nâng cấp; các chính sách dân tộc được triển khai thực hiện kịp thời; lễ hội và sự kiện quan trọng của xã được tổ chức trang trọng, an toàn, tiết kiệm, quy mô và chất lượng được nâng lên. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững và ổn định. Công tác giải quyết khiếu nại tố cáo, phòng chống tham nhũng tiếp tục được quan tâm thực hiện,...

Giai đoạn 2026-2030 diễn ra trong bối cảnh đất nước bước vào một giai đoạn phát triển mới - “Kỷ nguyên phát triển mới, Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam”. Trung ương và Tỉnh tiếp tục ban hành nhiều chủ trương, chính sách lớn, mang tính đột phá, tạo hành lang pháp lý và điều kiện thuận lợi để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Các quy hoạch phát triển và kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt là cơ sở quan trọng để huy động các nguồn lực, khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của địa phương, đặc biệt trong thu hút đầu tư phát triển hạ tầng, nông nghiệp, dịch vụ, du lịch. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sự phát triển vượt bậc của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI)... tiếp tục tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, mở ra những cơ hội mới nhưng đồng thời cũng đặt ra không ít thách thức cho công tác lãnh đạo, quản lý và phát triển kinh tế - xã hội ở cơ sở. Trong xã, sau khi sáp nhập hầu hết các nội dung công việc đã thực hiện đúng tiến độ, bám sát hướng dẫn; các kết quả đạt được đáp ứng tương đối tốt yêu cầu đề ra là nền tảng vững chắc cho sự “bứt phá mạnh mẽ” trong những năm tới.

II. MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung huy động mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội; tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ đáp ứng nhu cầu phát triển; khai thác tốt tiềm năng, lợi thế, nhất là nông nghiệp, công nghiệp chế biến, du lịch; thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và bền vững gắn với bảo vệ môi trường; nâng cao đời sống nhân dân; đảm bảo quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định và trật tự an toàn xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Chỉ tiêu chung (11 chỉ tiêu)

a) Các chỉ tiêu kinh tế - ngân sách (06 chỉ tiêu)

- (1) Tổng thu ngân sách Nhà nước 5 năm đạt 299,1 tỷ đồng;
- (2) Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm hàng năm trên địa bàn đạt trên 10%;
- (3) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2026-2030 đạt 4.332 tỷ đồng;
- (4) Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn đến năm 2030 đạt 88 triệu đồng;
- (5) Đến năm 2030, Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch đạt 89,5%;
- (6) Đến năm 2030, Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đạt 80%;

b) Các chỉ tiêu văn hoá – xã hội (05 chỉ tiêu)

- (1) Đến năm 2030, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều giảm còn dưới 1%;
- (2) Đến năm 2030, tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 80%;

(3) Hằng năm, tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95%;

(4) Đến năm 2030, tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội trên 25,5%;

(5) Đến năm 2030, tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động đang làm việc đạt 80%;

2.2. Chỉ tiêu riêng (09 chỉ tiêu)

a) Các chỉ tiêu kinh tế - ngân sách (04 chỉ tiêu)

(1) Tổng sản lượng lúa 5 năm đạt 1.367.006 tấn

(2) Tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản đạt 116.700 tấn.

Trong đó, sản lượng nuôi trồng đạt 15.000 tấn.

(3) Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định từ 10% trở lên;

(4) Đến năm 2030, 100% chất thải rắn nguy hại được thu gom và xử lý tập trung;

b) Các chỉ tiêu văn hoá – xã hội (05 chỉ tiêu)

(1) Tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ đạt 50%;

(2) Số người được giải quyết việc làm mới bình quân hàng năm cho 820 lao động;

(3) Đến năm 2030, có 10 bác sỹ/vạn dân và 30 giường bệnh/vạn dân;

(4) Công tác tuyển quân đạt 100%;

(5) Phân đấu nâng tỷ lệ ấp không ma túy đạt 100%;

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Ủy ban nhân dân xã tập trung chỉ đạo quyết liệt và khắc phục khó khăn hiện tại, đồng thời tổ chức thực hiện tốt các phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Tập trung thúc đẩy kinh tế phát triển ổn định, bền vững và có chiều sâu

Tiếp tục tái cơ cấu và phát triển nông nghiệp theo hướng kinh tế nông nghiệp bền vững, nâng cao giá trị sản phẩm; phát triển nông nghiệp an toàn, sinh thái, hữu cơ, thích ứng biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ, tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất gắn với chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi phù hợp điều kiện tự nhiên, đáp ứng nhu cầu thị trường.

Tăng cường liên kết “4 nhà”, xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường tiêu thụ ổn định. Thực hiện hiệu quả Đề án phát triển bền vững một triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh. Khuyến khích kinh tế hợp tác, lấy hợp tác xã làm nòng cốt; nhân rộng mô hình hiệu quả; hỗ trợ kinh tế hộ phát triển, hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ, bảo đảm hài hòa lợi ích các chủ thể.

Phát triển kinh tế ven biển, kinh tế dưới tán rừng; nghiên cứu, xây dựng các mô hình sản xuất hiệu quả, khai thác lợi thế thổ nhưỡng, phát triển cây trồng, vật nuôi mới có giá trị kinh tế cao gắn với du lịch sinh thái nông nghiệp. Tập trung khai thác, quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên; thu hút đầu tư phát triển; nâng cao năng

suất lao động, hiệu quả đầu tư trên cơ sở phát triển nguồn nhân lực và ứng dụng khoa học công nghệ mới trong sản xuất, đặc biệt trong nuôi trồng thủy sản.

Nuôi trồng thủy sản theo quy hoạch, đa dạng phương thức nuôi, phát triển nuôi công nghiệp công nghệ cao ven biển. Quy hoạch phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung công nghiệp, xa khu dân cư; kiểm soát dịch bệnh; giảm ô nhiễm môi trường; quản lý, từng bước di dời, xóa bỏ các điểm giết mổ nhỏ lẻ; hình thành cơ sở giết mổ tập trung bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm.

Kêu gọi đầu tư hệ thống cấp nước sạch; nâng cấp, mở rộng các trạm cấp nước hiện hữu phục vụ sinh hoạt nhân dân. Quan tâm bảo vệ môi trường; bảo vệ diện tích rừng hiện có; trồng mới rừng phòng hộ ven biển; chống sạt lở đê biển. Thường xuyên tuyên truyền ngư dân khai thác đúng quy định, không vi phạm vùng biển nước ngoài.

Phát triển công nghiệp khai khoáng, chế biến gắn với khai thác hợp lý tài nguyên núi đá Hòn Sóc; áp dụng công nghệ tiên tiến để giảm chi phí đầu vào, nâng năng suất, hiệu quả sản xuất.

Đẩy mạnh phát triển du lịch bền vững; phát huy giá trị lịch sử, văn hóa địa phương; duy tu, bảo dưỡng các địa điểm tham quan; tăng cường quảng bá, xúc tiến, kêu gọi đầu tư dịch vụ phụ trợ; tạo sản phẩm du lịch đặc trưng và kết nối du lịch với các địa phương trong và ngoài tỉnh.

Huy động nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, ưu tiên giao thông kết nối (đường đầu nối Quốc lộ 80; cầu kênh Tri Tôn - Hòn Sóc; hệ thống thủy lợi, điện phục vụ vùng sản xuất, nuôi thủy sản). Phối hợp giải phóng mặt bằng, triển khai các công trình quan trọng của Trung ương, tỉnh (cao tốc Rạch Giá - Hòn Đất - Hà Tiên; nâng cấp tỉnh lộ 969, 969B). Rà soát, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất phù hợp định hướng phát triển công nghiệp - xây dựng.

Phối hợp các sở, ngành xúc tiến giới thiệu tiềm năng địa phương, thu hút nhà đầu tư. Gắn phát triển công nghiệp - xây dựng với đầu tư các công trình hạ tầng trọng điểm; kiểm tra chất lượng công trình, vật liệu xây dựng; bảo đảm an toàn lao động, tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật; tuyên truyền xây dựng bền vững, thân thiện môi trường.

2. Tập trung phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, nguồn nhân lực, chăm lo phát triển văn hoá, con người và đảm bảo an sinh xã hội

Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sáp nhập các đơn vị sự nghiệp giáo dục phù hợp thực tiễn; sắp xếp đội ngũ giáo viên đúng vị trí việc làm, giải quyết tình trạng thừa thiếu cục bộ; nâng cao chất lượng dạy và học. Triển khai thực hiện hiệu quả chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; tăng cường thanh tra, kiểm tra cơ sở giáo dục.

Tập trung đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ trường chuẩn quốc gia, chương trình nông thôn mới; đảm bảo đủ phòng học 2 buổi/ngày cho cấp mẫu giáo, tiểu học; sửa chữa, thay thế phòng học xuống cấp theo kế hoạch. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; xã hội hóa đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích văn hoá, lịch sử; đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông quảng bá.

Kiểm soát chặt chẽ dịch bệnh, ứng phó kịp thời tình huống khẩn cấp môi trường, dịch bệnh; tăng cường phòng ngừa ngộ độc thực phẩm, nhất là bếp ăn tập thể; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý khám chữa bệnh, thanh toán BHYT và vận hành hệ thống thông tin trạm y tế. Thực hiện đề án bảo đảm trạm y tế có bác sĩ phục vụ ít nhất 2 ngày/tuần; tuyên truyền, vận động nâng tỷ lệ tham gia BHYT đạt 95% trở lên.

Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người có công; triển khai đồng bộ giải pháp giảm nghèo bền vững; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần nhân dân; đào tạo nghề cho lao động nông thôn, phấn đấu đến năm 2030 giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều dưới 1%. Thực hiện chính sách BHYT cho đồng bào dân tộc thiểu số; tuyên truyền Luật bình đẳng giới và Vì sự tiến bộ của phụ nữ.

Tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, chính sách hỗ trợ địa bàn khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ đồng bào Khmer phát triển kinh tế, nâng cao đời sống, thực hiện tốt các dịp lễ tết, lễ hội truyền thống; vận động chức sắc, tín đồ tôn giáo tham gia phát triển kinh tế xã hội, giảm nghèo bền vững.

3. Tăng cường quốc phòng, an ninh đảm bảo trật tự an toàn xã hội

Thường xuyên duy trì các chế độ trực đi đôi với việc huấn luyện các lực lượng. Thực hiện tốt các bước tuyển quân hàng năm đạt 100%.

Giữ vững ổn định an ninh trật tự, an toàn xã hội, tăng cường các biện pháp phòng ngừa, tấn công các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; đẩy mạnh tuyên truyền pháp luật về an toàn giao thông.

Thực hiện tốt công tác tiếp dân, giải quyết có hiệu quả các vụ việc khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai, hạn chế đơn thư, vụ việc tồn đọng kéo dài; chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; phòng chống tham nhũng, lãng phí

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện đúng các chế độ thanh tra, kiểm tra công vụ ở các đơn vị chuyên môn, nhất là trách nhiệm người đứng đầu trong giải quyết các vụ việc liên quan đến tổ chức và cá nhân.

Thực hiện sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức phù hợp với trình độ chuyên môn, đúng theo Đề án vị trí việc làm và Đề án tinh giản biên chế. Thực hiện đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả...

Thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị thực hiện tốt công tác hành chính tư pháp đúng theo quy định pháp luật, đáp ứng kịp thời yêu cầu của công dân. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hoạt động hoà giải ở cơ sở.

Tăng cường theo dõi thực hiện các kết luận thanh tra; thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật trên các lĩnh vực trọng yếu. Tổ chức tốt công tác quản lý nhà nước, thực hiện nghiêm các giải pháp phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện kê khai tài sản, thu nhập đúng quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng.

Phạm Thu Thủy

PHỤ LỤC

Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã Hòn Đất

(Kèm theo kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Hòn Đất)



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026-2030						Tốc độ tăng bq 5 năm 2026-2030 (%)
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Giai đoạn 2026-2030	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=9/4
I Chỉ tiêu chung										
* Các chỉ tiêu kinh tế - ngân sách										
1	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	68,17	60,10	52,00	57,00	62,00	68,00	299,10	99,8
2	Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn	%	10,00	10,20	Trên 10%	Trên 10%	Trên 10%	Trên 10%	Trên 10%	Trên 10%
3	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	687,82	735,00	794,00	858,00	935,00	1.010,00	4.332,00	146,8
4	Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn	Triệu đồng	75,00	87,00	87,00	87,00	87,00	88,00	88,00	117,3
5	Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch	%	72,50	83,28	85,14	86,99	88,37	89,50	89,50	123,4
6	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt	%	40,86	74,00	76,00	78,00	79,00	80,00	80,00	195,8
* Các chỉ tiêu văn hoá- xã hội										
1	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	1,19	<1	<1	<1	<1	<1	<1	<1
2	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn Quốc gia	%	76,92	78,00	78,50	79,00	79,50	80,00	80,00	104,0
3	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	87,30	95,00	95,00	95,00	95,00	95,00	95,00	108,8
4	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội	%	11,73	18,47	20,22	21,98	23,74	25,50	25,50	217,4
5	Tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động đang làm	%	73,20	76,00	77,00	78,00	79,00	80,00	80,00	109,3
II Chỉ tiêu riêng										
* Các chỉ tiêu kinh tế - ngân sách										
1	Tổng sản lượng lúa	Tấn		273.006	272000	273000	274000	275000	1.367.006	
2	Tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản	Tấn		23.340	23.340	23.340	23.340	23.340	116.700	
	Trong đó: sản lượng nuôi trồng	Tấn		2.850	2.900	3.000	3.100	3.150	15.000	

PHỤ LỤC

Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã Hòn Đất

(Kèm theo Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Hòn Đất)



NG Kế hoạch giai đoạn 2026-2030											
TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Giai đoạn 2026-2030	Tốc độ tăng bq 5 năm 2026-2030 (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=9/4	
I	Chỉ tiêu chung										
*	Các chỉ tiêu kinh tế - ngân sách										
1	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	68,17	60,10	52,00	57,00	62,00	68,00	299,10	99,8	
2	Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn	%	10,00	10,20	Trên 10%	Trên 10%	Trên 10%	Trên 10%	Trên 10%	Trên 10%	
3	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	687,82	735,00	794,00	858,00	935,00	1.010,00	4.332,00	146,8	
4	Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn	Triệu đồng	75,00	87,00	87,00	87,00	87,00	88,00	88,00	117,3	
5	Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch	%	72,50	83,28	85,14	86,99	88,37	89,50	89,50	123,4	
6	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt	%	40,86	74,00	76,00	78,00	79,00	80,00	80,00	195,8	
*	Các chỉ tiêu văn hoá- xã hội										
1	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	1,19	<1	<1	<1	<1	<1	<1	<1	
2	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn Quốc gia	%	76,92	78,00	78,50	79,00	79,50	80,00	80,00	104,0	
3	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	87,30	95,00	95,00	95,00	95,00	95,00	95,00	108,8	
4	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội	%	11,73	18,47	20,22	21,98	23,74	25,50	25,50	217,4	
5	Tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động đang làm	%	73,20	76,00	77,00	78,00	79,00	80,00	80,00	109,3	
II	Chỉ tiêu riêng										
*	Các chỉ tiêu kinh tế - ngân sách										
1	Tổng sản lượng lúa	Tấn		273.006	272000	273000	274000	275000	1.367.006		
2	Tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản	Tấn		23.340	23.340	23.340	23.340	23.340	116.700		
	Trong đó: sản lượng nuôi trồng	Tấn		2.850	2.900	3.000	3.100	3.150	15.000		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026-2030						
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Giai đoạn 2026-2030	Tốc độ tăng bq 5 năm 2026-2030 (%)
3	Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định	%		từ 10% trở lên	từ 10% trở lên	từ 10% trở lên	từ 10% trở lên	từ 10% trở lên	từ 10% trở lên	
4	Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại được thu gom và xử lý tập	%		99,2	99,4	99,6	99,8	100	100	
*	<i>Các chỉ tiêu văn hoá- xã hội</i>									
1	Tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ	%		46	47	48	48	50	50	
2	Số người được giải quyết việc làm mới	Lao động		820	820	820	820	820	820	
3	Tỷ lệ bác sỹ trên vạn dân và tỷ lệ giường bệnh trên vạn dân									
	- Tỷ lệ bác sỹ trên vạn dân	bác sỹ/vạn dân		6	7	8	9	10	10	
	- Tỷ lệ giường bệnh trên vạn dân	giường bệnh/vạn dân		22	24	26	28	30	30	
4	Công tác tuyên quân	%		100	100	100	100	100	100	
5	Phần đầu nâng tỷ lệ áp không ma túy	%		60				100		